TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2017/QĐST-KDTM	*Quận 7, ngày 28 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2017/TLST-KDTM ngày 12/5/2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V; Địa chỉ trụ sở: số 22 Hàng Vôi, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; Địa chỉ trụ sở: 108 Trần Hưng Đạo, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: ông Nguyễn Chí K - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 167/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 06/3/2017).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Công nghiệp T; Địa chỉ: số 244 đường Bùi Văn Ba, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Xuân P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ H – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 155/GUQ-CNTS ngày 17/7/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958

3.2 Bà Đinh Thị T, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: số 121/36 Lê Thị Riêng, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông Trần Văn K, sinh năm 1957

3.4 Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: số 148/13 đường số 3, cư xá Lữ Gia, phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận Công ty cổ phần Công nghiệp T còn nợ Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/3/2017 theo Hợp đồng tín dụng số 38/2011/HĐTD-DNL ngày 09/9/2011 và Hợp đồng mua bán nợ số 890/2015/MBN.VAMC1-VIETINBANK ngày 30/3/2015 là: 43.236.702.479 đồng (bốn mươi ba tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 19.469.543.044 đồng (mười chín tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng).

+ Lãi trong hạn: 16.443.848.752 đồng (mười sáu tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng).

+ Lãi quá hạn: 7.323.310.683 đồng (bảy tỷ ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm mười ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V đồng ý để Công ty cổ phần Công nghiệp T trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/3/2017 là 43.236.702.479 đồng (bốn mươi ba tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 19.469.543.044 đồng (mười chín tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng); Lãi trong hạn: 16.443.848.752 đồng (mười sáu tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng); Lãi quá hạn: 7.323.310.683 đồng (bảy tỷ ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm mười ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng), hạn cuối trả nợ là ngày 04/8/2017.

Trường hợp Công ty cổ phần Công nghiệp T vi phạm việc thanh toán số nợ trên hoặc không thanh toán đầy đủ số nợ trên theo đúng thời hạn đã cam kết hạn cuối vào ngày 04/8/2017, thì Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất dưới đây để thu hồi nợ theo thứ tự ưu tiên do công ty yêu cầu:

- Giấy chứng nhận QSDĐ số AN 849919, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ T08319 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 11/11/2008 cho Công

ty cổ phần Công nghiệp T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2009/HĐTC-KH1 ngày 08/9/2009;

- Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số BH 290324, BH 290325, BH 290326, BH 290327, BH 290328, BH 290329, BH 290330, BH 290331, BH 290332, BH 290333, BH 290334, BH 290335, BH 290336, BH 290337, BH 290338, BH 290339, số vào sổ cấp giấy CH00456, CH00457, CH00458, CH00459, CH00460, CH00461, CH00462, CH00463, CH00464, CH00465, CH00466, CH00467, CH00468, CH00469, CH00470, Ch00471 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 17/4/2012 cho ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 41/2012/HĐTC-DNL ngày 11/7/2012;

- Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số BH 290621, số vào sổ cấp GCN CH00481 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09/5/2012 cho ông Trần Văn K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 42/2012/HĐTC-DNL ngày 11/7/2012;

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần Công nghiệp T mà vẫn còn dư thì Công ty cổ phần Công nghiệp T, ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T, ông Trần Văn K, bà Lê Thị Ngọc Y được nhận số tiền dư tương ứng giá trị tài sản đảm bảo.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ tiền trả nợ thì Công ty cổ phần Công nghiệp T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi trả xong.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/4/2017 Công ty cổ phần Công nghiệp T còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 38/2011/HĐTD-DNL ngày 09/9/2011 cho đến khi công ty cổ phần Công nghiệp T trả xong khoản nợ trên.

Ngay sau khi Công ty cổ phần Công nghiệp T thanh toán hết số nợ gốc và lãi thì Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V có trách nhiệm trả lại bản chính các tài liệu gồm:

- Giấy chứng nhận QSDĐ số AN 849919, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ T08319 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 11/11/2008 cho Công ty cổ phần Công nghiệp T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2009/HĐTC-KH1 ngày 08/9/2009 cho Công ty cổ phần Công nghiệp T;

- Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số BH 290324, BH 290325, BH 290326, BH 290327, BH 290328, BH 290329, BH 290330, BH 290331, BH 290332, BH 290333, BH 290334, BH 290335, BH 290336, BH 290337, BH 290338, BH 290339, số vào sổ cấp giấy CH00456, CH00457, CH00458, CH00459, CH00460, CH00461, CH00462, CH00463, CH00464, CH00465, CH00466, CH00467, CH00468, CH00469, CH00470, Ch00471 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 17/4/2012 cho ông

Nguyễn Văn T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 41/2012/HĐTC-DNL ngày 11/7/2012 cho ông Nguyễn Văn T;

- Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số BH 290621, số vào sổ cấp GCN CH00481 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09/5/2012 cho ông Trần Văn K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 42/2012/HĐTC-DNL ngày 11/7/2012 2012 cho ông Trần Văn K.

Về chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng): Bị đơn phải chịu khoản chi phí này. Nguyên đơn đã nộp số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo Phiếu thu số 36, 37 ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7. Bị đơn phải hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho nguyên đơn. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Công ty cổ phần Công nghiệp T phải chịu là 75.618.351 đồng (bảy mươi lăm triệu sáu trăm mười tám ngàn ba trăm năm mươi mốt đồng). Hoàn lại Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 75.618.351 đồng (bảy mươi lăm triệu sáu trăm mười tám ngàn ba trăm năm mươi mốt đồng) theo biên lai thu số AA/2012/07838 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân